TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2018.

V/v tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trọng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh;
2. Ông Đào Văn Nô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phùng Minh T, sinh năm 1985; nơi thường trú: Tổ A, Ấp B, xã HP, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: Tổ X, khu phố BT, phường TH, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1988; nơi thường trú: Tổ A, Ấp B, xã HP, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: Tổ X, khu phố BT, phường TH, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2017, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Phùng Minh T trình bày:

Ông Phùng Minh T và bà Lê Thị N trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 99/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian còn là vợ chồng, ông T và bà N sinh được 01 người con chung tên là Phùng Minh Th, sinh ngày 02/10/2011. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn nêu trên, bà Lê Thị N là người được Tòa án giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; ông T phải thực hiện nghĩa vụ cáp dưỡng nuôi con hàng tháng. Tuy nhiên, thực tế sau khi ly hôn, ông Phùng Minh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; bà N làm công nhân sáng

đi làm đến tối, khuya mới về nên không trực tiếp nuôi con mà giao cho ông T nuôi. Nay ông Phùng Minh T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu Tòa án giao con là Phùng Minh Th, sinh ngày 02/10/2011 cho ông Phùng Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, ông T đang thuê mặt bằng làm nghề sửa chữa xe máy, hàng tháng thu nhập khoảng 20.000.000 đồng, đủ điều kiện để chăm lo cho con nên không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn là bà Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/01/2018 có trình bày:

Bà N thống nhất với trình bày của ông Phùng Minh T về con chung và người được giao trực tiếp nuôi con sau khi Tòa án giải quyết ly hôn. Theo quyết định ly hôn của Tòa án, bà N là người được giao trực tiếp nuôi con nhưng do bà N làm công nhân, sáng đi làm từ 07 giờ, thường làm tăng ca đến 20 giờ 30 mới về nên không có nhiều thời gian chăm sóc con. Vì vậy, con chung thực tế là do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng, chỉ đến cuối tuần được nghỉ làm thì bà N mới đến chở con về chơi sau đó đến chiều tối lại chở con về giao cho ông T. Hiện nay, bà N làm công nhân, thu nhập hàng tháng cả tiền tăng ca được khoảng 5.000.000 đồng. Bà N nhận thấy ông T chăm sóc con tốt, con được chăm sóc đầy đủ về mọi mặt, tuy nhiên bà N vẫn muốn được trực tiếp nuôi con, không đồng ý giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng, không bị hạn chế các quyền khi tham gia tố tụng; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng hai bên đương sự trình bày thống nhất với nhau về con chung và người thực tế đang chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, bà N được Tòa án giao trực tiếp nuôi con nhưng vì công việc nên không thể trực tiếp nuôi con, trong khi đó ông T làm nghề sửa xe nên có điều kiện và chủ động thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con hơn; quá trình tố tụng, cháu Phùng Minh Th có trình bày ý kiến mong muốn được sống với mẹ. Tuy nhiên, xét về điều kiện thực tế và sự đảm bảo tốt nhất cho cuộc sống, học tập và phát triển toàn diện của cháu Th cần thiết thay đổi người trực tiếp nuôi con, giao cháu Th cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà N có quyền thăm nom con theo quy định. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Phùng Minh T khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại Khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Lê Thị N là bị đơn hiện đang cư trú tại phường TH, thị xã Tân Uyên nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo trình bày của ông Phùng Minh T và bà Lê Thị N, trước đây ông T và bà N là vợ chồng nhưng đã ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 99/2017/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân

dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trong thời gian còn là vợ chồng, ông T và bà N sinh được một người con chung tên Phùng Minh Th, sinh ngày 02/10/2011. Khi ly hôn, ông T và bà N thỏa thuận giao con cho bà N trực tiếp nuôi, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, kể từ khi ly hôn ông T là người trực tiếp nuôi con, bà N vì công việc nên không có thời gian và không thể trực tiếp nuôi con theo như thỏa thuận đã được công nhận trong Quyết định của Tòa án. Vì vậy, ông T yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con theo đúng thực tế và bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho con.

Trình bày của ông T được bà N thừa nhận, bà N cho rằng lý do ông T trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là vì bà làm công nhân, ngày làm từ 07 giờ sáng, thường tăng ca đến 20 giờ 30 phút mới về đến nhà nên khó khăn trong việc chăm sóc nuôi dưỡng con; Tuy nhiên, bà N vẫn muốn là người trực tiếp nuôi con, không đồng ý theo yêu cầu của ông T.

Theo quy định tại Điều 69, Điều 70 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu, chăm lo, trông nom, chăm sóc, giáo dục con để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức…; con có quyền được cha mẹ yêu thương, tôn trọng, có quyền được học tập và giáo dục… có quyền được tạo điều kiện tốt nhất để phát triển thành người con hiếu thảo, có ích cho xã hội. Bà N thừa nhận, từ sau khi ly hôn, con do ông T trực tiếp nuôi, trong thời gian con sống với ông T, bà N thấy con được chăm sóc tốt, lo cho con đầy đủ về mọi mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/01/2018, cháu Phùng Minh Th trình bày: Các ngày trong tuần thì cháu ở với cha, ngày cuối tuần được mẹ đón về chơi, đến tối mẹ lại đưa về ở với cha, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, bà N vẫn thường xuyên qua thăm và mua sữa, quần áo cho con. Như vậy, từ lời trình bày của bà N và cháu Th có căn cứ cho rằng khả năng, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con của ông T là tốt hơn của bà N, bà N được giao trực tiếp nuôi con nhưng không đủ điều kiện tốt nhất để chăm sóc, giáo dục con, không có thời gian chăm sóc con; ngoài ra, thời gian cháu Th ở với ông T thì bà N không bị cản trở gì khi thăm nom, chăm sóc con. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khi thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét đến nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Th là được sống với mẹ, tuy nhiên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu Th cần thiết phải thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng không ảnh hưởng đến việc thăm nom, chăm sóc con của bà N và không ảnh hưởng đến việc học tập và phát triển của cháu Th. ông T xác định có đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những nhận xét nêu trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Minh T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Giao con chung là cháu Phùng Minh Th, sinh ngày 02/10/2011 cho ông Phùng Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Lê Thị N được quyền thăm nom con không ai được cản trở; ghi nhận sự tự nguyện của ông Phùng Minh T về việc không yêu cầu bà Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về án phí: Tại phiên tòa, ông Phùng Minh T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 và điều điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 69, 70, 71, 72; 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Minh T về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với bà Lê Thị N.

Giao con chung là Phùng Minh Th, sinh ngày 02/10/2011 cho ông Phùng Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phùng Minh T về việc không yêu cầu bà Lê Thị N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Ông Phùng Minh T tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013607 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Quân